TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **324**/2023/DS-PT Ngày 20 - 9 - 2023 *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2023/TLPT-DS ngày 14/6/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2023/QĐXX-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn 2, xã ER, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1964 và bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 2, xã ER, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị P, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 2, xã ER, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông S là nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/4/2019 ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị Đ vay của vợ chồng tôi (đại lý S P) số tiền 195.370.000 đồng, hẹn trả nợ ngày 03/8/2019; Ngày 25/6/2019 ông Q tiếp tục ứng cà phê tại đại lý S P 2.677 kg cà phê nhân xô, hẹn trả nợ ngày 30/11/2019.

Đến ngày 12/9/2020, ông Q đến ký giấy chốt lại 02 khoản nợ trên với tôi và hẹn trả vào tháng 11/2020.

Đến nay đã quá hạn trả nợ, nhưng ông Q và bà Đ vẫn chưa trả nợ cho đại lý S P, nay ông S yêu cầu ông Q, bà Đ trả toàn bộ số nợ đã vay là 195.370.000 đồng và 2.677 kg cà phê nhân xô quy chuẩn.

Về lãi suất: Ông S yều cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông S không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà Đ là bị đơn trình bày:

Ông Q, bà Đ thừa nhận có vay của đại lý S P 195.370.000 và 2.677 kg cà phê nhân xô quy chuẩn, hẹn trả nợ vào ngày 30/11/2019.

Khi vay tiền và cà phê, ông Q, bà Đ nhận trực tiếp số tiền vay và cà phê từ bà Lê Thị P (là vợ của ông Nguyễn Văn S).

Đến ngày 22/12/2019, ông Q, bà Đ đã thanh toán toàn bộ số nợ trên cho bà Lê Thị P với tổng số tiền là: 266.480.000 đồng (bao gồm cả cà phê quy ra thành tiền).

Lý do ông Q, bà Đ thanh toán số nợ trên cho bà P là vì từ trước đến nay, ông Q, bà Đ vay mượn, giao dịch tại đại lý S P là hoàn toàn vay mượn và giao dịch với bà P chứ không giao dịch với ông S.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi (Q, Đ) phải trả số nợ trên và lãi suất theo quy định pháp luật thì vợ chồng tôi không đồng ý vì đã trả toàn bộ số nợ trên cho bà P.

Đối với giấy ghi nợ đề ngày 12/9/2020, nội dung: Q, Đ mượn đại lý S P số tiền 195.370.000 đồng và 2.677 kg cà phê nhân xô, hẹn đến tháng 11/2020 trả đủ, ông Q cho rằng ông Q không biết đến giấy nợ này và không có ký nhận với ông S.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đối với số nợ 195.370.000 đồng và 2.677 kg cà phê nhân xô mà ông S và vợ chồng ông Q trình bày ở trên là đúng. Tuy nhiên đến ngày 22/12/2019 ông Q và bà

Đ đã thanh toán xong cho tôi (P) toàn bộ số nợ trên kể cả cà phê qui ra tiền tổng cộng là 266.480.000 đồng. Khi nhận nợ, tôi có viết giấy nhận nợ với ông Q và bà Đ. Hiện tại, ông Q và bà Đ không còn nợ tại đại lý S P khoản nợ nào nữa.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Toà án huyện Ea H'leo đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị Đ trả cho ông Nguyễn Văn S 119.737.000 đồng (một trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng), trong đó 97.685.000.000 đồng tiền nợ gốc và 22.052.000 đồng tiền lãi suất và 1.338,5 kg cà phê nhân xô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông S đã rút.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị Đ phải chịu 4.080.000 đồng tiền chi phí giám định.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn S 4.080.000 đồng tiền chí phí giám định đã nộp sau khi thu được từ ông Q, bà Đ.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị Đ phải chịu 9.359.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Q kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lăk:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Q là không có cơ sở, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Q; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Toà án huyện Ea H'leo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Q kháng cáo trong thời hạn và đã đóng tiền tạm ứng án phí. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất và thừa nhận ngày 06/04/2019 ông Q, bà Đ có vay tại Đại lý S P 195.370.000 đồng, hẹn trả nợ vào ngày 03/8/2019; Ngày 25/06/2019 ông Q, bà Đ ứng tại Đại lý S P 2.677 kg cà phê nhân xô quy chuẩn, hẹn trả nợ vào ngày 30/11/2019.

Đến ngày 22/12/2019 ông Q, bà Đ đến trả nợ thì bà P quy cà phê ra thành tiền nên ông Q, bà Đ trả tổng cộng cả tiền vay và cà phê cho bà P là 266.480.000 đồng; bà P đồng ý với với ý kiến của bị đơn; bị đơn và bà P xác nhận hiện ông Q, bà Đ không còn nợ ông S, bà P khoản tiền nào.

Ông S không đồng ý với ý kiến của bị đơn và cho rằng, 02 khoản nợ nói trên, do vợ chồng ông Q, bà Đ chưa trả cho tôi (S) nên vào ngày 12/9/2020 ông Q mới viết lại cho tôi 01 giấy nợ của 02 khoản vay trên và hẹn trả vào tháng 11/2020. Việc vợ chồng ông Q trả nợ cho bà P lúc vợ chồng tôi (S) đã ly hôn và bà P lấy hết khoản nợ này không đưa lại cho tôi ½ số nợ là do lỗi của vợ chồng ông Q, bà Đ.

Như vậy, HĐXX thấy rằng việc ông Q, bà Đ vay của vợ chồng ông S, bà P 195.370.000 đồng vào ngày 06/04/2019 và ngày 25/06/2019 ông Q, bà Đ ứng của vợ chồng S, P 2.677 kg cà phê nhân xô quy chuẩn là có thật, các bên đương sự đều thừa nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Q:

Xét lời khai của ông Q cho rằng vợ chồng ông có vay tiền, cà phê của bà P và đã thanh toán hết số nợ cho bà P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà P thừa nhận vào ngày 22/12/2019 ông Q, bà Đ đến trả nợ thì bà P quy cả nợ cà phê ra thành tiền để trả cho bà (P) tổng cộng là 266.480.000 đồng, khi trả có viết giấy giao nhận nên bà không yêu cầu vợ chồng ông Q, bà Đ trả nợ cho vợ chông bà. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy số nợ trên là tài sản chung của ông S và bà P, nhưng khi bà P nhận tiền nợ (Lúc này vợ chồng bà P đã ly hôn) không có chữ ký của ông S, chỉ có chữ ký của bà P và bà P cũng không thông báo hay đưa lại ½ trị giá số nợ trên cho ông S.

Mặt khác, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 giấy nhận nợ đề ngày 12/9/2020, cho dù ông Q không thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 12/9/2020 là của ông ký và viết ra nhưng theo Kết luận giám định số: 650/KL-KTHS ngày 15/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết nội dung *"Người nhận nợ Q Nguyễn Q"* trên mẫu cần giám định kí hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Q trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 **do cùng một người viết ra**.

Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định việc ông Q đã thừa nhận với ông S là vợ chồng ông vẫn còn nợ của ông S các khoản nợ nói trên nên ông S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà Đ trả cho vợ chồng ông 195.870.000 đồng và 2.677kg cà phê nhân xô là có căn cứ. Khi làm việc với Tòa án thì ông mới biết vợ chồng ông Q đã

trả hết nợ cho vợ ông (Bà P) chứ chưa trả cho ông đồng nào nên ông S thay đổi yêu cầu là chỉ đòi ½ số nợ, còn vợ chồng ông Q có muốn đòi lại ½ số nợ trên thì kiện đòi bà P trả lại chứ ông không đi đòi bà P.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định "ông S và bà P đã ly hôn, nhưng 02 khoản nợ là tài sản chung của ông S, bà P trong thời kỳ hôn nhân" là đúng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Q, bà Đ trả cho ông S ½ số nợ là phù hợp. Tại phiên tòa, bà P cũng thừa nhận đã nhận đủ nợ của vợ chồng ông Q nhưng do bà trực tiếp kinh doanh, chồng bà không biết, không chịu trách nhiệm số nợ này nên bà không thông báo lại cho ông S biết. HĐXX xét thấy lời khai của bà P là không có căn cứ, bởi vì bà cho rằng ông S không biết, không liên quan thì tại sao ông Q lại ký chốt 02 khoản nợ trên với ông S vào ngày 12/9/2020 (Sau ngày vợ chồng ông Q trả nợ cho bà P) và hẹn sẽ trả vào 11/2020. Như vậy, vợ chồng ông Q, bà Đ có vay của vợ chồng ông S, bà P 02 khoản nợ trên gồm 195.370.000 đồng và 2.677 kg cà phê nhân xô, đây là tài sản chung của vợ chồng ông S, bà P nên khi vợ chồng ông Q, bà Đ trả nợ thì vợ chồng ông S, bà Đ đều được quyền sử dụng ngang nhau, tuy nhiên ông S cho rằng khi vợ chồng ông ly hôn thì vợ chồng ông Q trả hết cho bà P số nợ trên và bà P không đưa lại cho ông là do lỗi của vợ chông ông Q. Do đó bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông Q, bà Đ phải trả cho ông S ½ số nợ trên cộng lãi suất theo quy định là có căn cứ.

Đối với ½ trị giá số nợ mà hiện nay bà Lê Thị P đang quản lý (Do vợ chồng ông Q, bà Đ trả nợ, nhưng bà P không đưa lại cho ông S làm cho ông S khởi kiện vợ chồng ông Q, bà Đ). Tại phiên tòa, bà Lê Thị P thừa nhận đã nhận đủ nợ của bị đơn; do đó vợ chồng ông Nguyễn Q bà Hồ Thị Đ có quyền khởi kiện bà Lê Thị P bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo ông Nguyễn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Q - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Toà án huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự

[2.1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị Đ trả cho ông Nguyễn Văn S 119.737.000 đồng (một trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng), trong đó 97.685.000.000 đồng tiền nợ gốc và 22.052.000 đồng tiền lãi suất và 1.338,5 kg cà phê nhân xô (một nghìn, ba trăm ba mươi tám phẩy năm ki lô gam cà phê nhân xô).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông S đã rút.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị Đ phải chịu 4.080.000 đồng tiền chi phí giám định.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn S 4.080.000 đồng tiền chí phí giám định đã nộp sau khi thu được từ ông Q, bà Đ.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị Đ phải chịu 9.359.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số AA/2021/0011363, ngày 18/5/2023.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND H. Ea H'Leo;*
- *Chi cục THADS H. E;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức